

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	856	238	195	210	213
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	90.42	90.33	91.28	75.23	90.61
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8.76	9.24	8.20	22.85	8.92
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.81	0.42	0.51	3.80	0.46
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	856	238	195	210	213
1	Xuất sắc ((tỷ lệ so với tổng số)	4.55	10.50	7.17	00	00
2	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	20.32	16.80	18.46	15.71	30.52
3	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57.61	00	00	41.9	40.38
4	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17.17	00	00	42.38	29.11
5	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00	000	00	00	00
6	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.35	0.42	1.02	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	856	238	195	210	213
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.64	99.57	98.97	100%	100 %
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	20.32	16.80	18.46	15.71	30.52
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	57.61	00	00	41.9	40.38
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.63	0.8	4.1	1.9	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.35	0.42	1.02	00	00

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	24 2.98	8 3.27	3 1.72	5 2.39	8 4.55
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	00	00
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố	01				01
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	213				213
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	213				213
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.52				30.52
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40.38				40.38
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	29.11				29.11
VII	Số học sinh thi đỗ tuyển sinh lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Hiện tại chưa có kết quả				Hiện tại chưa có kết quả
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	455/401	129/109	95/100	110/90	111/102
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	47	14	09	14	10

Quận, ngày 26 tháng 6 năm 2023

Hiệu trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toại